

Bản án số: 28/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 04/7/2019

Về việc “Ly hôn, nuôi con

và cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thìn

Ông Nguyễn Thành Hạnh

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B tham gia phiên toà:* Ông Tạ Văn Phú – Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 8, ấp Cầu 2, xã Đồng T, huyện Đ, tỉnh B. (có mặt)

\*Bị đơn: **Phí Quang Q**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu phố Bàu K, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.(Xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phí Quang Q chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Trong thời gian chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, trong suy nghĩ. Anh Q sống không có trách nhiệm với gia đình nên từ năm 2016 cho đến nay, chị T và anh Q sống ly thân. Chị T nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phí Quang Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phí Nguyễn Thái A, sinh ngày 25/9/2009 và Phí Nguyễn Bình A1, sinh ngày 10/8/2012. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm nom, nuôi

dưỡng 02 con chung, chị T yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phí Quang Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phí Quang Q và chị Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2008, có làm đám cưới theo phong tục đại phương nhưng không đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ tháng 10/2015 cho đến nay, anh Q và chị T sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, anh Q xác định tình cảm dành cho chị T đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của chị T thì anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phí Nguyễn Thái A, sinh năm 2009 và Phí Nguyễn Bình A1, sinh năm 2012. Khi ly hôn, anh Q đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu Thái A và cháu Bình A1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Q không còn yêu cầu nào khác.

Anh Q có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T và yêu cầu nuôi con của bà T.

tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn Phí Quang Q;

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Tòa án tạm ngưng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ về việc anh Q có đủ điều kiện cấp dưỡng như đề nghị của ông Q và mức cấp dưỡng của bà T đề nghị có phù hợp với thực tế không.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với anh Phí Quang Q và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Phí Quang Q cư trú tại khu phố Bàu K, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định. Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Q là có cơ sở.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Phí Quang Q chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2008, có tổ chức đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp do không tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã quy định tại khoản 1 Điều 9, do đó không làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không tôn trọng, không tin tưởng và không có sự cảm thông chia sẻ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn. Do đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp nên không ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các bên mà cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn Phí Quang Q là phù hợp.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị T và anh Q có 02 con chung tên là Phí Nguyễn Thái A, sinh ngày 25/9/2009 và Phí Nguyễn Bình A1, sinh ngày 10/8/2012. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng với chị T. Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (bút lục số 28) và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, cần giao 02 cháu tên là Phí Nguyễn Thái A và Phí Nguyễn Bình A1 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp, chăm nom nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi 02 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Q đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi 02 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi (bút lục 28). Đây là ý trí tự nguyện của anh Q về việc cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị Hội đồng xét xử ngưng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ như đã nêu ở trên là không cần thiết. Bởi lẽ, việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T được anh Q thống nhất nên chỉ cần ghi nhận

sự tự nguyện của anh Q là đủ. Việc xác minh điều kiện thu nhập của người phải cấp dưỡng và mức bình Q nuôi 01 trẻ tại địa phương chỉ thực sự cần khi Q không tự nguyện cấp dưỡng. Do đó đề nghị này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đề nghị khác khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Anh Q về việc anh Q có đủ điều kiện cấp dưỡng như đề nghị của ông Q và mức cấp dưỡng của bà T đề nghị có phù hợp với thực tế không.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và Phí Quang Q.

*2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cháu Phí Nguyễn Thái A, sinh ngày 25/9/2009 và cháu Phí Nguyễn Bình A1, sinh ngày 10/8/2012 cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

*3. Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Phí Quang Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng/02 con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu Thái A và cháu Bình A1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

*4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010946 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hương**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG PHÚ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi     giờ 00 ngày 04/7/2019 tại Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

*Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Quang Thìn  
Ông Nguyễn Thành Hạnh

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 187/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

\*Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Cầu 2, xã Đồng Tiến, huyện Đ, tỉnh B.

\*Bị đơn: Anh Phí Quang Q, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đ, tỉnh B.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật*

**NỘI DUNG BIÊN BẢN**

Sau khi xem xét, thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 như sau :

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53, các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*1. Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và Phí Quang Q.

*2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng cháu Phí Nguyễn Thái An, sinh năm 2009 và cháu Phí Nguyễn Bình An, sinh năm 2012 cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Phí Quang Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 07/2019 cho đến khi cháu cháu Thái An và cháu Bình An trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010946 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh B.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

Biên bản kết thúc vào hồi giờ cùng ngày 04/7/2019, đã đọc lại và các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Các thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm**

**Nguyễn Thành Hạnh - Lê Quang Thìn**

**Nguyễn Thị Hương**

